

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/DS - ST

Ngày 24/02/2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Ngô Văn Đức

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia
phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐST - DS ngày 09 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1969;

Địa chỉ: số 044/A, Trung Trắc, khu phố 4, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Bị đơn: Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1967;

Địa chỉ: số 229/VĐT, ấp V, xã V, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1963;

Địa chỉ: số 229/VĐT, ấp V, xã V, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày:

Ngày 15/7/2020 (âm lịch), ông Phạm Văn C và bà Trịnh Thị N có vay của bà số tiền 241.520.000đ (hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng). Bà N là người trực tiếp nhận số tiền 241.520.000 đồng. Khi vay bà N nói mục đích vay là để trả nợ ngân hàng. Thỏa thuận miệng thời gian vay là 03 tháng, lãi suất là 04%/tháng (không ghi trong biên nhận). Khi vay có làm giấy biên nhận nhận do bà N ký tên xác nhận, lúc đó bà N có đưa cho bà giữ ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà N, ông C đứng tên để làm tin, không có lập hợp đồng thế chấp. Từ khi vay đến nay bà N và ông C không đóng tiền lãi cũng không trả tiền gốc cho bà, bà đã nhiều lần đòi nhưng ông C và bà N chỉ hứa mà không trả.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N và ông C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc 241.520.000 đồng; tiền lãi từ ngày 15/7/2020 (âm lịch) đến 15/5/2021 (âm lịch) là 10 tháng đối với số tiền 241.520.000 đồng, với mức lãi suất 1,66%/tháng là $241.520.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 40.092.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng gốc và lãi là 281.612.000 đồng, yêu cầu trả một lần và yêu cầu tính lãi chậm thi hành án theo quy định. Khi nào ông C và bà N thanh toán hết tiền nợ cho bà thì bà sẽ trả lại ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông C và bà N.

Bà đồng ý với kết luận giám định số 4402/C09B ngày 09/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, không yêu cầu giám định bổ sung hay giám định lại.

Tại biên bản hòa giải ngày 09/02/2022 và tại phiên tòa bị đơn bà Trịnh Thị N trình bày:

Vợ chồng bà có vay tiền của bà L nhiều lần từ năm 2017 đến năm 2021, khi vay có đưa cho bà L giữ làm tin ba giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông C và bà N đứng tên, số tiền nợ tính đến thời điểm hiện nay là 237.000.000 đồng. Bà L cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất 04%/tháng là không đúng, mà tiền lãi đã đóng cho bà L mỗi tháng dao động từ 40%, 50% đến 60%/tháng nên yêu cầu tính lại lãi suất đã đóng cho bà L. Khi cho vay bà L chỉ đưa giấy biên nhận cho bà được vài lần thì sau đó không đưa nữa. Do tin tưởng bà L nên khi đóng tiền lãi cho bà L là giao nhận tiền trực tiếp chứ không lập biên nhận, vợ chồng bà cũng không có viết sổ sách để tự theo dõi số tiền lãi đã đóng, chỉ biết là có đóng lãi đầy đủ cho bà L nhưng không có giấy tờ để chứng minh cho việc đóng lãi, không nhớ cụ thể số tiền lãi đã đóng hàng tháng là bao nhiêu.

Nay bà đồng ý còn nợ và đồng ý trả cho bà L số tiền 237.000.000 đồng nhưng

xin trả dần, còn lãi thì do đã trả lãi quá nhiều rồi nên không đồng ý trả lãi nữa. Trong số tiền 237.000.000 đồng này có phần tiền con bà vay của bà L là 20.000.000 đồng, bà đã nhiều lần kêu con bà đến Tòa nhưng con bà nói bận đi làm, không về được, bà cũng không có chứng cứ gì để chứng minh nên bà đồng ý trả thay con bà số tiền 20.000.000 đồng này.

Biên nhận nợ mà bà L giao nộp cho Tòa án là do bà L cầm tay dụ bà ký tên, bà L hứa ký tên xong sẽ không tính lãi nữa nên bà ký đại mà không đọc nội dung của biên nhận.

Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 13/10/2021, bà N cho rằng tổng số tiền nợ là 231.000.000 đồng, trong đó con bà vay 20.000.000 đồng. Bà không thừa nhận chữ ký tên trong biên nhận nợ mà bà L giao nộp cho Tòa án là do bà ký, tại bản tự khai ngày 12/10/2021, bà N và ông C yêu cầu bà L trưng cầu giám định. Tại bản tự khai ngày 17/12/2021, bà N và ông C xác định còn nợ bà L số tiền 210.400.000 đồng, đồng thời bà N và ông C cho rằng đã đóng lãi liên tục 06%/tháng xuyên suốt đến nay nên yêu cầu Tòa án tính lại lãi suất là 02%/tháng, khấu trừ vào tiền lãi đã đóng thì số tiền còn lại đồng ý trả dần cho bà L.

Bà không có ý kiến gì đối với kết luận giám định số 4402/C09B ngày 09/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

** Tại biên bản hòa giải ngày 09/02/2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn C trình bày:*

Việc bà N vay tiền của bà L thì ông có biết vì mỗi lần vay bà N có nói cho ông biết, đồng thời ông cũng có trực tiếp vay của bà L nhiều lần, có lần 10.000.000 đồng, có lần 20.000.000 đồng. Khi cho vay, bà L có ghi sổ và ông có ký tên, mục đích vay tiền để có vốn đầu tư nuôi tôm phát triển kinh tế gia đình.

Bà N cho rằng còn nợ bà L số tiền 237.000.000 đồng thì ông cũng đồng ý nhưng ông yêu cầu bà L đưa sổ ra, khoản vay nào ông có ký tên thì mới đồng ý trả dần còn không thì không trả.

Ông và bà N cưới nhau cách nay hơn 35 năm và có đăng ký kết hôn, từ đó đến nay vợ chồng vẫn sống chung và cùng làm ăn kinh tế chung tại địa phương.

Ông không có ý kiến gì đối với kết luận giám định số 4402/C09B ngày 09/12/2021 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà N và ông C liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc là 241.520.000 đồng, nợ lãi là $241.520.000 \times 10 \text{ tháng} \times 0,833\%/\text{tháng} = 20.118.616$ đồng và lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Không chấp nhận yêu cầu của bà L đối với số tiền lãi là 19.973.384 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L về việc yêu cầu bà N và ông C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc 241.520.000 đồng; tiền lãi từ ngày 15/7/2020 (âm lịch) đến 15/5/2021 (âm lịch) là $241.520.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 40.092.000$ đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 281.612.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất chậm trả trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Lời khai của bà N và ông C trước sau không có sự thống nhất về số tiền đã vay của bà L nhưng bà N và ông C thừa nhận có vay tiền của bà L nhiều lần và hiện còn nợ tiền bà L. Bà N và ông C cho rằng còn nợ bà L số tiền 237.000.000 nhưng không có căn cứ chứng minh cho trình bày của ông bà.

Đồng thời, lời khai của bà N và ông C trước sau bất nhất đối với chữ ký “N”, chữ viết họ tên “Trịnh Thị N” ở dưới mục người kí mượn tiền trong biên nhận nợ đề ngày 15/7/2020 (âm lịch), trong quá trình tố tụng bà N không thừa nhận là có ký tên trong giấy biên nhận nợ đề ngày 15/7/2020 do bà L cung cấp cho Tòa án, nhưng tại phiên Tòa bà N cho rằng chữ ký, chữ viết họ tên “N, “Trịnh Thị N” trong biên nhận nợ nói trên là do bà ký tên và viết họ tên, tuy nhiên bà cho rằng đã bị bà L dụ ép ký tên, viết họ tên trong biên nhận nói trên, lúc đó bà không đọc nên không biết nội dung giấy nợ viết gì nên không đồng ý trả số tiền 241.520.000 đồng.

Theo kết luận giám định số: 4402/C09B ngày 09/12/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: “Chữ ký, chữ viết họ tên “Trịnh Thị N” dưới mục “Người kí mượn tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết họ tên “Trịnh Thị N” trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người ký và viết ra”.

Từ những phân tích trên, xác định lời trình bày của bà N và ông C là không có cơ sở nên không được HĐXX chấp nhận. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà L đối với số nợ gốc 241.520.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Về lãi suất: Các bên không thống nhất về mức lãi suất, có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 268 Bộ luật dân sự để tính lãi suất, do đó đối với yêu cầu tính lãi của bà L đối với số tiền 241.520.000 đồng với mức lãi suất 1,66%/tháng là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự nên phải điều chỉnh lại cho phù hợp là $241.520.000đ \times 10 \text{ tháng} \times 0,833\%/tháng = 20.118.616 \text{ đồng}$.

Bà N và ông C yêu cầu tính lại lãi suất đã đóng, HĐXX xét thấy bà N và ông C cho rằng do tin tưởng bà L nên khi đóng tiền lãi không yêu cầu bà L lập biên nhận tiền lãi, ông bà cũng không có viết sổ sách để tự theo dõi số tiền lãi đã đóng. Ông C và bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho việc đóng lãi là cao, không trình bày được số tiền lãi cụ thể đã đóng hàng tháng, đồng thời có lời khai trước sau bất nhất đối với mức lãi suất đã đóng nên không có cơ sở để HĐXX xem xét điều chỉnh lại lãi suất.

Về trách nhiệm liên đới: Bà N và ông C đều thống nhất khi bà N vay tiền của bà L thì ông C đều biết vì mỗi lần vay bà N có nói cho ông C biết, đồng thời ông C cũng có trực tiếp vay tiền của bà L nhiều lần, có lần 10.000.000 đồng, có lần 20.000.000 đồng, mục đích vay tiền để có vốn nuôi tôm phục vụ phát triển kinh tế gia đình, ông C và bà N sống chung cách nay khoảng 35 năm, cùng làm ăn kinh tế chung do đó ông C phải có trách nhiệm liên đới cùng bà N trả số tiền còn nợ cho bà L.

[2] Xét yêu cầu xin trả dần số tiền nợ của bà N và ông C không được bà L chấp nhận và không phù hợp với quy định pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét quan điểm, đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Nghĩa vụ chịu chi phí giám định trong vụ án là 5.300.000 đồng. Bà N và ông C phải liên đới chịu. Do bà L đã nộp tạm ứng trước số tiền nêu trên và đã thanh toán xong nên bà N và ông C có nghĩa vụ hoàn trả lại số tiền 5.300.000 đồng cho bà L.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận đối với số tiền 261.638.616 đồng nên bà N và ông C phải có nghĩa vụ nộp án phí số tiền $261.638.616đ \times 05\% = 13.081.930 \text{ đồng}$; Do yêu cầu khởi kiện của bà L không được chấp nhận đối với số tiền 19.973.384 đồng nên bà L có nghĩa vụ nộp

án phí số tiền 19.973.384đ x 05% = 998.669 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L. Buộc bà Trịnh Thị N và ông Phạm Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 261.638.616đ (hai trăm sáu mươi một triệu sáu trăm ba mươi tám ngàn sáu trăm mười sáu đồng).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L đối với số tiền lãi 19.973.384đ (mười chín triệu chín trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm tám mươi bốn đồng).

2. Chi phí giám định: 5.300.000đ (năm triệu ba trăm ngàn đồng) bà Trịnh Thị N và ông Phạm Văn C phải liên đới chịu. Do bà Lê Thị Kim L đã nộp tạm ứng số tiền nêu trên nên bà Trịnh Thị N và ông Phạm Văn C có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Lê Thị Kim L số tiền 5.300.000đ (năm triệu ba trăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Trịnh Thị N và ông Phạm Văn C phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 13.081.930đ (mười ba triệu không trăm tám mươi một ngàn chín trăm ba mươi đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Bà Lê Thị Kim L có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 998.669đ (chín trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.040.000đ (bảy triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007718 ngày 24/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho bà Lê Thị Kim L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.041.331đ (sáu triệu không trăm bốn mươi một ngàn ba trăm ba mươi một đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản

tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã V (Ba Tri – Bến Tre);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Lâm

Dân Lượng

Có ghi sổ hụi, do bà Kiều ghi

Lý do yêu cầu Đột cùng trả: Nhiều lần đóng hụi đưa tiền cho ông Đột nhận thay

Chủ tọa hỏi anh Đột

Không biết Dân Lượng là ai

Sống ly thân mấy năm rồi

Không có nhận tiền hụi

Vợ chồng lục đục, không quan tâm

Sáng đi chiều về nên không biết

Kiều trình bày: Xuống nhà gom

Hụi mới có mấy tháng

Gom hụi người khác đóng để

Sao không đưa thời gian trả dần? Số tiền trả dần?

Không xác định cụ thể trả hàng tháng được bao nhiêu

Sao không đòi những người khác?

Kiểm thêm thu nhập cho cá nhân, chi xài cho cá nhân

Chơi hụi cách nay khoảng mấy năm không nhớ

Anh Đột

Không biết lý do tại sao Kiều nộp đơn xin ly hôn

Sau khi rút đơn, mạnh người nào nấy làm

KSV hỏi

12 tuổi

19 tuổi

3 – 4 năm nay không còn thuê người

Sáng tôi lo ăn uống thôi

Cách nhà 2km

Bán xăng, sau này cho thuê cây xăng, mâu thuẫn 4 – 5 năm rồi, đến khi mâu thuẫn cho . Cây xăng tại nhà

Trước khi mâu thuẫn, Kiều có chơi hội hay không cũng không biết

KSV hỏi chị Kiều

Trước khi làm đơn xin ly hôn là đã có mâu thuẫn, rút đơn vì con thôi, rút xong

Con thì cũng lớn nên không lo

Vợ chồng không tâm sự

Tổ chức vài dây mần xong chơi lại

Dây mần xong chơi lại

Chủ tọa hỏi các đương sự: Không có ý kiến gì trình bày thêm

Tâm trình bày

Trong quá trình chơi hội nhiều năm, QSD đất tên của bà Kiều ông Đọt

Kiều: Không chấp nhận anh Đọt liên đới trả

6/4/2021 bán thửa 171, 686, 43 đất bán, nhận tiền xăng. Tiền bán đất đã chàn hội.

572

Do thiếu nợ bán cho chị Mỹ rồi,

Đọt: Không nợ hội nên không đồng ý trả

Kiểm sát viên trình bày:

Thừa nhận và đồng ý trả Điều 92, 471

Điều 18, 23 nghị định

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

Ngô Văn Đức

Lê Văn Lâm

Chủ tọa hỏi anh Tâm

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Long

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Út, sinh năm 1980 (có mặt)

Ông Nguyễn Văn Thảo, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: ấp Bến Bàu, xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- Ông Nguyễn Văn Thảo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Út tham gia tố tụng.

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim, sinh năm 1963 (có mặt)

Ông Phạm Văn Diện, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Bờ Bàu, xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Riếp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hồng Sáng

Ông Ngô Văn Đức

Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

Áp dụng các Điều 199, Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh số 10/2009 của UBTVQH ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út, ông Nguyễn Văn Thảo. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim, ông Phạm Văn Diện có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Út, ông Nguyễn Văn Thảo số tiền là 146.300.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định của số tiền còn phải thi hành cho đến khi thi hành án xong.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim, ông Phạm Văn Diện có trách nhiệm liên đới nộp số tiền 7.315.000 đồng (bảy triệu ba trăm mười lăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Út, ông Nguyễn Văn Thảo số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.658.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017838 ngày 15/7/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Phạm Văn Diện vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Biên bản kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe và đồng ý ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Sáng

Ngô Văn Đức

Nguyễn Thị Riếp

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa:

* *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Út, sinh năm 1980 (có mặt)

Ông Nguyễn Văn Thảo, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: ấp Bến Bàu, xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

- Ông Nguyễn Văn Thảo ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Út tham gia tố tụng.

* *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim, sinh năm 1963 (có mặt)

Ông Phạm Văn Diện, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Bờ Bàu, xã Mỹ Chánh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Riếp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Hồng Sáng

Ông Ngô Văn Đức

Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

Do bị đơn ông Phạm Văn Diện vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết hoãn phiên tòa. Thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa xét xử vụ án được ấn định như sau: Phiên tòa dân sự sơ thẩm sẽ được mở lại vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 28 tháng 12 năm 2015 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Biên bản kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe và đồng ý ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Phan Hồng Sáng

Ngô Văn Đức

Nguyễn Thị Riếp